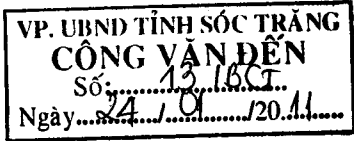


Số: **6949** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **30** tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch đầu nối
các trung tâm Điện lực vào Hệ thống điện quốc gia



BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 3 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025 (TSD VI);

Căn cứ văn bản 6680/VPCP-KTN ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch đầu nối tổng thể các Trung tâm điện lực;

Xét đề nghị của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) trình tại tờ trình số 1648/TTr-EVN ngày 29 tháng 4 năm 2010 về việc phương án qui hoạch đầu nối tổng thể các TTĐL; văn bản số 3062/EVN-ĐT ngày 26 tháng 7 năm 2010 kèm theo Báo cáo đầu nối do Viện Năng lượng lập và hiệu chỉnh tháng 9 năm 2010;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Năng lượng,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt đề án Quy hoạch đầu nối các trung tâm điện lực vào hệ thống điện quốc gia do Viện Năng lượng lập và hiệu chỉnh tháng 9 năm 2010 với nội dung chính sau:

1. Trung tâm điện lực Nam Định tại xã Hải Ninh và Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định có công suất 2400MW:

1.1 Cấp điện áp đầu nối: 220kV và 500kV

NMNĐ Nam Định 1- công suất 2x600MW- cấp điện áp 500kV

NMNĐ Nam Định 2 – công suất 2x600MW- cấp điện áp được cập nhật, phê duyệt trong Tổng sơ đồ VII.

1.2. Các công trình đồng bộ

1.2.1 Đồng bộ với NMNĐ Nam Định 1:

Đường dây mạch kép 500kV Nam Định - trạm cắt Thái Bình (nằm giáp ranh Hưng Yên - Thái Bình) - Phó Nối chiều dài khoảng 135 km, có tiết diện dây không nhỏ hơn 2400mm², số dây dẫn phân 6 hoặc 8.

1.2.2 Đồng bộ với NMNĐ Nam Định 2: Được cập nhật và phê duyệt tại Qui hoạch điện VII.

1.3. Sân phân phối TTĐL Nam Định:

Sân phân phối TTĐL Nam Định cần dự phòng đất để mở rộng đấu nối 02 mạch đường dây 500kV từ NMNĐ Quỳnh Lưu về và các đường dây 220kV đấu nối lưới điện khu vực. Số ngăn lộ đấu nối 220kV (nếu có) sẽ được làm rõ trong bước lập dự án đầu tư xây dựng NMNĐ Nam Định 2.

2. Trung tâm điện lực Hải Phòng 3:

2.1 Cấp điện áp đấu nối: 220kV và 500kV

1.1. Giai đoạn 1 NMNĐ Hải Phòng 3.1 công suất: 2*600MW - cấp điện áp 500kV

1.2. Giai đoạn 2 NMNĐ Hải Phòng 3.2 công suất: 2*600MW - cấp điện áp 220kV

2.2. Các công trình đồng bộ

1.2.1 Đồng bộ với NMNĐ Hải Phòng 3.1 :

- Đường dây 500kV mạch kép TTĐL Hải Phòng 3- Trạm 500/220kV Hải Phòng- Trạm cắt 500kV Thái Bình (nằm giáp ranh Hưng Yên - Thái Bình) có tiết diện dây không nhỏ hơn 1600mm².

- Trạm biến áp 500kV/220kV Hải Phòng công suất 2x600MVA (trước mắt lắp 1 máy). Trong quá trình lập dự án đầu tư, chủ đầu tư phối hợp Bộ Công Thương làm rõ sự cần thiết và qui mô của trạm biến áp này trên cơ sở mức độ phát triển của phụ tải khu vực.

- Trạm cắt 500kV Thái Bình (nằm giáp ranh Hưng Yên và Thái Bình) phục vụ đấu nối các đường dây 500kV NMNĐ Hải Phòng 3- Phó Nối và đường dây 500kV NMNĐ Nam Định- Phó Nối, dự phòng đất để lắp máy biến áp 500/220kV phục vụ cho khu vực sau này.

1.2.2 Đồng bộ với NMNĐ Hải Phòng 3.2:

Các đường dây 220kV với tiết diện và chiều dài cụ thể được làm rõ trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

- Đường dây 4 mạch 220kV TTĐL Hải Phòng 3 chuyển tiếp trên đường dây Tràng Bạch-Vật Cách chiều dài khoảng 15 km, có tiết diện dây lớn hơn 2x400mm² hoặc tương đương.

- Đường dây 220kV mạch kép TTĐL Hải Phòng 3 - Đại Bản chiều dài khoảng 30 km, có tiết diện dây lớn hơn 1200 mm² hoặc tương đương.

- Trạm biến áp 220/110kV Đại Bản 2x250MVA

3. Trung tâm điện lực Thái Bình tại xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình công suất 1800MW: đã phê duyệt tại Quyết định số 4409/QĐ-BCT ngày 20 tháng 08 năm 2010 của Bộ Công Thương (chi tiết xem phụ lục kèm theo).

4. Trung tâm điện lực Hải Dương tại xã Phúc Thành, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương công suất 1200MW: đã phê duyệt tại Quyết định số

1656/QĐ-BCT ngày 02 tháng 04 năm 2010 của Bộ Công Thương (chi tiết xem phụ lục kèm theo).

5. Trung tâm điện lực Nghi Sơn tại xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa công suất 1800MW

5.1 Cấp điện áp đầu nối: 220kV và 500kV

- NMNĐ Nghi Sơn 1-công suất 2*300MW- cấp điện áp 220kV
- NMNĐ Nghi Sơn 2-công suất 2*600MW- cấp điện áp 500kV

5.2. Các công trình đồng bộ

5.2.1 Đồng bộ với NMNĐ Nghi Sơn 1:

- Đường dây 220kV mạch kép NĐ Nghi Sơn 1- Nghi Sơn chiều dài khoảng 15 km, có tiết diện dây 2x500mm² hoặc tương đương.
- Đường dây 220kV mạch kép Nghi Sơn- Sầm Sơn- Thanh Hóa chiều dài khoảng 86 km, có tiết diện dây không nhỏ hơn 600mm².
- Đường dây 220kV mạch kép Nghi Sơn- Quỳnh Lưu- Vinh chiều dài khoảng 83km, có tiết diện dây 2x330mm².

5.2.2 Đồng bộ với NMNĐ Nghi Sơn 2:

- Hai đường dây mạch kép 500kV từ NMNĐ Nghi Sơn đầu chuyển tiếp trên đường dây 500kV Hà Tĩnh-Nho Quan chiều dài khoảng 50 km có tiết diện dây 4x330mm².

- Trạm biến áp 500kV/220kV TTĐL Nghi Sơn công suất 2x450MVA. Trong quá trình lập dự án đầu tư, chủ đầu tư phối hợp Bộ Công Thương sẽ làm rõ sự cần thiết và qui mô của trạm biến áp này trên cơ sở mức độ phát triển của phụ tải khu vực

6. Trung tâm điện lực Quỳnh Lập tại xã Quỳnh Lập, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (công suất 2400MW)

6.1 Cấp điện áp đầu nối: 220kV và 500kV

- NMNĐ Quỳnh Lập 1- công suất 2x600MW: cấp điện áp 500kV.
- NMNĐ Quỳnh Lập 2- công suất 2x600MW: cấp điện áp 220kV và 500kV.

6.2. Các công trình đồng bộ

6.2.1 Đồng bộ với NMNĐ Quỳnh Lập 1:

- Đường dây 500KV mạch kép NĐ Quỳnh Lập 1-Thanh Hóa-Nam Định dài khoảng 140km, có tiết diện dây không nhỏ hơn 2400mm², dây dẫn phân pha 6 hoặc 8.

6.2.2 Đồng bộ với NMNĐ Quỳnh Lập 2:

- Đường dây 220KV mạch kép NĐ Quỳnh Lập 1- TBA 220kV Quỳnh Lưu có tiết diện dây không nhỏ hơn 1000mm².

- Trạm biến áp 500/220kV Thanh Hóa công suất 1x600MVA. Trong quá trình lập dự án đầu tư, chủ đầu tư phối hợp Bộ Công Thương làm rõ sự cần thiết và qui mô của trạm biến áp này trên cơ sở mức độ phát triển của phụ tải khu vực.

6.3. Sân phân phối TTĐL Quỳnh Lập:

Sân phân phối TTĐL Quỳnh Lập cần dự phòng đất để mở rộng đầu nối 02 mạch đường dây 500kV từ NMNĐ Vũng Áng 3 về, máy biến áp liên lạc 500/220kV, các ngăn lộ đầu nối các đường dây 220kV lưới điện khu vực. Số

ngăn lộ đầu nối 220kV(nếu có) sẽ được làm rõ trong bước lập dự án đầu tư xây dựng NMNĐ Quỳnh Lập 2.

7. Trung tâm điện lực Vũng Áng 1 và 2 tại xã Hải Phong, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh công suất 2400MW: đã phê duyệt tại Quyết định số 0192/QĐ-BCT ngày 14 tháng 01 năm 2008 và số 1097/QĐ-BCT ngày 04 tháng 03 năm 2010 của Bộ Công Thương (chi tiết xem phụ lục kèm theo)

8. Trung tâm điện lực Vũng Áng 3 tại xã Hải Phong, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh công suất 2400MW

8.1 Cấp điện áp đầu nối: cấp điện áp 500kV, công suất 4*600MW.

8.2. Các công trình đồng bộ

- Đường dây 500kV mạch kép rẽ nhánh NĐ Vũng Áng 3 đầu chuyển tiếp trên ĐZ Quảng Trạch 1 - Vũng Áng 1&2 có tiết diện dây không nhỏ hơn 2400mm^2 dây dẫn phân pha 6 hoặc 8 (trong trường hợp. NMNĐ Vũng Áng 3 vào sau NMNĐ Quảng Trạch).

- Đường dây 500kV mạch kép NMNĐ Vũng Áng 3 - Vũng Áng 1&2 có tiết diện dây không nhỏ hơn 2400mm^2 dây dẫn phân pha 6 hoặc 8 (trong trường hợp. NMNĐ Vũng Áng 3 vào trước NMNĐ Quảng Trạch).

- Đường dây 500kV mạch kép Vũng Áng 3 - Quỳnh Lập, dài khoảng 250km, có tiết diện dây không nhỏ hơn 2400mm^2 , dây dẫn phân pha 6 hoặc 8.

9. Trung tâm điện lực Quảng Trạch tại xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình công suất 2400MW (4*600MW)

9.1 Cấp điện áp đầu nối: phát điện qua cấp điện áp 500kV.

9.2. Các công trình đồng bộ

- Đường dây 500kV mạch kép NMNĐ Quảng Trạch 1- Trạm 500kV TTĐL Vũng Áng 1&2 có chiều dài khoảng 35 km, có tiết diện dây không nhỏ hơn 2400mm^2 dây dẫn phân pha 6 hoặc 8 (trong trường hợp. NMNĐ Quảng Trạch vào trước NMNĐ Vũng Áng 3).

- Đường dây 500kV mạch kép NMNĐ Quảng Trạch 1 đầu nối mạch 2 Đường dây 500kV mạch kép NMNĐ Vũng Áng 3 - Vũng Áng 1&2, có chiều dài khoảng 25 km, có tiết diện dây không nhỏ hơn 2400mm^2 dây dẫn phân pha 6 hoặc 8 (trong trường hợp. NMNĐ Quảng Trạch vào sau NMNĐ Vũng Áng 3).

10. Trung tâm điện lực Vân Phong tại xã Ninh Phước, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa công suất 2400MW (4*600MW) đã phê duyệt tại Quyết định số 5318/QĐ-BCT ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công Thương (chi tiết xem phụ lục kèm theo).

11. Thủy điện tích năng Bác Ái tỉnh Ninh Thuận công suất 1200MW(4*300MW)

11.1. Cấp điện áp đầu nối: phát điện qua cấp điện áp 500kV.

11.2. Các công trình đồng bộ

02 Đường dây mạch kép thủy điện tích năng đầu chuyển tiếp trên đường dây mạch kép 500kV Vân Phong- Vĩnh Tân (nhà máy Điện hạt nhân 2), chiều

dài khoảng 35km, tiết diện không nhỏ hơn 2000mm^2 , dây dẫn phân pha đồng bộ với đường dây 500kV TTĐL Vân Phong- TTĐL Vĩnh Tân

12. Nhà máy Điện hạt nhân (NMD) Ninh Thuận 1 tại xã Phước Dinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận công suất 4000MW (4*1000MW)

12.1. Cấp điện áp đầu nối: phát điện qua cấp điện áp 500kV hoặc cấp điện áp cao hơn.

12.2. Các công trình đồng bộ

- Đường dây mạch kép 500kV NMD Hạt nhân Ninh Thuận 1-Trạm 500kV Bình Dương 1, chiều dài khoảng 280km, có tiết diện không nhỏ hơn 2400mm^2 , dây dẫn phân pha 6 hoặc 8.

- Hai đường dây 500kV mạch kép NMD Hạt nhân 1 đầu nối vào đường dây 500kV mạch kép Vân Phong - Vĩnh Tân, tiết diện dây dẫn và phân pha đồng bộ với đường dây 500kV Vân Phong - Vĩnh Tân.

- Nghiên cứu đặt Trạm cắt 500kV đặt ở khoảng giữa đường dây từ NMD Hạt nhân Ninh Thuận 1 đi Trạm 500kV Bình Dương 1.

12.3. Sân phân phối NMD Hạt nhân Ninh Thuận 1:

Sân phân phối NMD Hạt nhân Ninh Thuận 1 cần dự phòng đất để mở rộng 02 ngăn lộ đường dây 500kV đầu nối với các TTĐL khác phát triển tại khu vực và 02 ngăn lộ đường dây 500kV truyền tải các nguồn điện này về Trạm 500kV Bình Dương 1.

13. Nhà máy Điện hạt nhân Ninh Thuận 2 (tại xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận) công suất 4000MW(4*1000MW)

13.1. Cấp điện áp đầu nối: phát điện qua cấp điện áp 500kV hoặc cấp điện áp cao hơn.

13.2. Các công trình đồng bộ

- Hai đường dây 500kV mạch kép NMD Hạt nhân Ninh Thuận 2 - Mỹ Phước, chiều dài khoảng 300km, tiết diện không nhỏ hơn 2400mm^2 , dây dẫn phân pha 6 hoặc 8. Đường dây thứ 2 sẽ được xem xét đầu tư trên cơ sở cân đối nhu cầu phụ tải khu vực.

- Hai đường dây 500kV mạch kép NMD Hạt nhân 2 - đầu nối đường dây 500kV mạch kép Vân Phong - Vĩnh Tân, tiết diện dây dẫn và phân pha đồng bộ với đường dây 500kV Vân Phong - Vĩnh Tân.

- Nghiên cứu đặt trạm cắt 500kV hoặc mở rộng trạm biến áp 500kV Di Linh đặt ở khoảng giữa đường dây từ NMD Hạt nhân Ninh Thuận 2 đi Trạm 500kV Mỹ Phước, sử dụng chung cho cả 2 đường dây NMD Hạt nhân Ninh Thuận 2 - Trạm 500kV Mỹ Phước.

12.3. Sân phân phối NMD Hạt nhân Ninh Thuận 2:

Sân phân phối NMD Hạt nhân Ninh Thuận 2 cần dự phòng đất để mở rộng 02 ngăn lộ đường dây 500kV đầu nối với các TTĐL khác phát triển tại khu vực.

14. Trung tâm điện lực Vĩnh Tân tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận công suất 4.424MW

14.1. Cấp điện áp đầu nối: 220kV và 500kV

- NMNĐ Vĩnh Tân 1 (2*600MW): cấp điện áp 500 kV

- NMNĐ Vĩnh Tân 2 (2*622MW): cấp điện áp 220 kV

- NMNĐ Vĩnh Tân 3 (3*660MW): cấp điện áp 500 kV

14.2. Các công trình đồng bộ

14.2.1 Đồng bộ với NMNĐ Vĩnh Tân 1 (2x600MW):

- Đường dây 500kV mạch kép TTĐL Vĩnh Tân - Sông Mây chiều dài khoảng 240 km, có tiết diện dây 4x400mm² hoặc tương đương.

14.2.2 Đồng bộ với NMNĐ Vĩnh Tân 2 (2x622MW):

Các đường dây 220kV với tiết diện và chiều dài cụ thể được làm rõ trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

- Đường dây mạch kép TTĐL Vĩnh Tân - Tháp Chàm - Cam Ranh - Nha Trang chiều dài khoảng 151 km, trong đó đoạn TTĐL Vĩnh Tân - Tháp Chàm có tiết diện không nhỏ hơn 1000mm², Tháp Chàm - Cam Ranh - Nha Trang có tiết diện dây không nhỏ hơn 2x330mm².

- Đường dây mạch kép TTĐL Vĩnh Tân - Phan Rí chiều dài khoảng 151 km, phân pha 3 có tiết diện dây 3x400mm².

- Đường dây mạch kép Phan Rí-Phan Thiết- Sơn Mỹ (Hàm Tân) - Phú Mỹ 2 chiều dài khoảng 223 km, trong đó đoạn Phan Rí-Phan Thiết-Sơn Mỹ (Hàm Tân) có tiết diện dây 2x330mm², đoạn Sơn Mỹ (Hàm Tân) - Phú Mỹ 2 có tiết diện dây 2x400mm².

- Trạm biến áp 500/220kV Vĩnh Tân công suất 1x450MVA.

- Trạm biến áp 220kV Tháp Chàm công suất 2x125MVA, trước mắt lắp 1 máy.

14.2.3 Đồng bộ với NMNĐ Vĩnh Tân 3 (3x660MW):

- Đường dây 500kV mạch kép TTĐL Vĩnh Tân - Sông Mây – Tân Định chiều dài khoảng 260 km, dây phân pha 6 hoặc 8, tiết diện không nhỏ hơn 2400mm².

- Trạm cắt 500kV đặt ở khoảng giữa đường dây từ Vĩnh Tân đi Sông Mây, dùng chung cho cả 2 đường dây mạch kép Vĩnh Tân - Sông Mây. Tiến độ trạm cắt đồng bộ với đường dây Vĩnh Tân - Sông Mây thứ hai.

15. Trung tâm điện lực Sơn Mỹ tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận công suất 3000MW

15.1. Cấp điện áp đầu nối: 220kV và 500kV

- NMNĐ Sơn Mỹ 1- công suất 750MW cấp điện áp 500 kV

- NMNĐ Sơn Mỹ 2- công suất 750MW cấp điện áp 500kV

- NMNĐ Sơn Mỹ 3- công suất 750MW cấp điện áp 500kV

- NMNĐ Sơn Mỹ 4- công suất 750MW cấp điện áp 220kV

15.2. Các công trình đồng bộ

- Đường dây 500kV mạch kép TTĐL Sơn Mỹ - Đồng Nai chiều dài khoảng 80 km, phân pha không nhỏ hơn 6, có tiết diện dây không nhỏ hơn 2000mm².

- Trạm biến áp 500/220kV Đồng Nai công suất 2x900MVA.

- Đường dây 04 mạch 220kV TTĐL Sơn Mỹ đầu chuyển tiếp trên đường dây 220kV Hàm Tân-Phú Mỹ, dây dẫn đồng bộ đường dây 220kV Hàm Tân-Phú Mỹ, chiều dài 15 km

- Cải tạo, nâng cấp ĐZ 220kV 02 mạch Đồng Nai – Long Thành dài 20km, dây dẫn 2xAC 330

15.3. Sân phân phối TTĐL Sơn Mỹ:

Sân phân phối TTĐL Sơn Mỹ cần dự phòng đất để lắp đặt máy biến áp liên lạc và đấu nối với các đường dây 220kV khu vực và được làm rõ trong bước lập dự án đầu tư xây dựng NMNĐ Sơn Mỹ 4.

16. Trung tâm điện lực Duyên Hải tại phía hạ lưu kênh Chánh Bó, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh công suất 4400MW

16.1. Cấp điện áp đầu nối: 220kV và 500kV

- NMNĐ Duyên Hải 1:

tổ 1 - công suất 600MW - cấp điện áp 220 kV,

tổ 2 - công suất 600MW - cấp điện áp 500 kV

- NMNĐ Duyên Hải 2:

tổ 1- công suất 600MW - cấp điện áp 500 kV,

tổ 2- công suất 600MW - cấp điện áp 220 kV

- NMNĐ Duyên Hải 3: công suất 3*660MW - cấp điện áp 500 kV

16.2. Các công trình đồng bộ

16.2.1 Đồng bộ NMNĐ Duyên Hải 1

- Đường dây mạch kép 500kV TTĐL Duyên Hải - Mỹ Tho chiều dài khoảng 115 km, dây phân pha 6 hoặc 8, tiết diện không nhỏ hơn 2400mm².

- Trạm biến áp 500/220kV Duyên Hải công suất 1x450MVA.

- Đường dây 4 mạch 220kV Duyên Hải-Trà Vinh chiều dài khoảng 40 km, tiết diện không nhỏ hơn 800mm².

- Đường dây mạch kép 220kV Trà Vinh-Mỏ Cày chiều dài khoảng 40 km, tiết diện 2x500mm².

- Đường dây mạch kép 220kV Mỏ Cày - Bến Tre chiều dài khoảng 18 km, tiết diện không nhỏ hơn 2x330mm².

- Cải tạo đường dây mạch đơn 220kV Bến Tre - Mỹ Tho chiều dài khoảng 16 km thành mạch kép, tiết diện không nhỏ hơn 3x330mm².

- Đường dây mạch kép 220kV Trà Vinh - Vĩnh Long chiều dài khoảng 60 km, tiết diện 2x330mm².

16.2.2 Đồng bộ NMNĐ Duyên Hải 2

- Đường dây mạch kép 220kV Vĩnh Long-Cai Lậy chiều dài khoảng 60 km, tiết diện không nhỏ hơn 800mm².

16.2.3 Đồng bộ NMNĐ Duyên Hải 3

- Đường dây mạch kép 500kV Mỹ Tho-Đức Hòa chiều dài khoảng 60 km, dây phân pha không nhỏ hơn 8, tiết diện không nhỏ hơn 2400mm².

- Trạm biến áp 500/220kV Đức Hòa công suất 2x900MVA.

17. Trung tâm điện lực Long Phú tại xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng công suất 4400MW đã phê duyệt tại Quyết định số 3549/QĐ-BCT ngày 05 tháng 07 năm 2010 và các văn bản liên quan của Bộ Công Thương (chi tiết xem phụ lục kèm theo).

18. Trung tâm điện lực Sông Hậu công suất 5200MW

18.1. Cấp điện áp đầu nối: 220kV và 500kV

- NMNĐ Sông Hậu 1(2*600MW): cấp điện áp 220 kV.

- NMNĐ Sông Hậu 2(2*1000MW): cấp điện áp 500 kV.

- NMNĐ Sông Hậu 3(2*1000MW): cấp điện áp 500 kV.

18.2. Các công trình đồng bộ

18.2.1. Đồng bộ NMNĐ Sông Hậu 1 công suất 2x600MW:

- Đường dây 220kV mạch kép NMNĐ Sông Hậu 1-TBA 220kV Cần Thơ có chiều dài khoảng 18 km, phân pha 3 có tiết diện dây không nhỏ $3 \times 400 \text{mm}^2$.

- Đường dây 220kV mạch kép NMNĐ Sông Hậu 1- đầu vào đường dây Cai Lậy-Cao Lãnh có chiều dài khoảng 40 km, có tiết diện dây không nhỏ hơn 400mm^2 .

- Cải tạo đường dây mạch đơn 220kV Thốt Nốt-Cao Lãnh chiều dài khoảng 35 km, thành ĐZ mạch kép, tiết diện không nhỏ hơn $3 \times 400 \text{mm}^2$.

18.2.2. Đồng bộ NMNĐ Sông Hậu 2 công suất 2x1000MW:

- Đường dây 500kV mạch kép NMNĐ Sông Hậu -Mỹ Tho có chiều dài khoảng 75km, phân pha 6 hoặc 8 có tiết diện dây không nhỏ 2400mm^2 .

18.2.3. Đồng bộ NMNĐ Sông Hậu 3 công suất 2x1000MW:

- Đường dây 500kV mạch kép Mỹ Tho-Đức Hòa chiều dài khoảng 60km, phân pha 6 hoặc 8 có tiết diện dây không nhỏ 2400mm^2 (trong trường hợp NMNĐ Sông Hậu 3 vào trước 2020)

- Máy biến áp liên lạc 500/220kV công suất 1x450MVA được đầu tư trên cơ sở cân đối nhu cầu phụ tải khu vực.

18.3. Sân phân phối TTĐL Sông Hậu:

Sân phân phối TTĐL Sông Hậu cần dự phòng đất để lắp đặt 01 ngăn lộ 500kV đầu nối với các TTĐL khu vực để tăng cường độ tin cậy và được làm rõ trong khi lập dự án đầu tư NMNĐ Sông Hậu 3

19. Trung tâm điện lực Kiên Lương

19.1. Cấp điện áp đầu nối: 220kV và 500kV

- NMNĐ Kiên Lương 1 (2*600MW): tổ 1- 220kV và tổ 2- 500 kV.

- NMNĐ Kiên Lương 2 (2*600MW): tổ 1- 500kV và tổ 2 - 220 kV

- NMNĐ Kiên Lương 3 (2*1000MW): 500 kV

19.2. Các công trình đồng bộ

19.2.1. Đồng bộ NMNĐ Kiên Lương 1&2

- Đường dây mạch kép 500kV TTĐL Kiên Lương - Thốt Nốt chiều dài khoảng 120 km, dây phân pha 6 hoặc 8, tiết diện không nhỏ hơn 2400mm^2 .

- Đường dây mạch kép 500kV Thốt Nốt - Đức Hòa chiều dài khoảng 140 km, dây phân pha không nhỏ hơn 8, tiết diện không nhỏ hơn 2400mm^2 .

- Trạm biến áp 500/220kV Thốt Nốt công suất 1x450MVA.

- Trạm biến áp 500/220kV Củ Chi công suất 2x900MVA.

- Đường dây mạch kép 500kV mạch kép Thốt Nốt-Ô Môn, có chiều dài khoảng 25km, có tiết diện không nhỏ hơn 2000mm^2 .

- Đường dây 2 mạch 220kV Kiên Lương-Châu Đốc chiều dài khoảng 100 km, tiết diện không nhỏ hơn 800mm^2 . Trong quá trình lập dự án đầu tư, chủ đầu tư phối hợp Bộ Công Thương làm rõ sự cần thiết và qui mô của đường dây này trên cơ sở mức độ phát triển của phụ tải khu vực

- ĐZ 220KV mạch kép Châu Đốc - Hồng Ngự - Cái Bè dài khoảng 125km tiết diện không nhỏ hơn 800mm^2 . Trong quá trình lập dự án đầu tư, chủ đầu tư phối hợp Bộ Công Thương làm rõ sự cần thiết và qui mô của đường dây này trên cơ sở mức độ phát triển của phụ tải khu vực

- Đường dây 220kV mạch kép NĐ Kiên Lương - Kiên Lương 2 dài khoảng 10km tiết diện không nhỏ hơn 400mm²

- Cải tạo đoạn từ Thốt Nốt đi Long Xuyên của đường dây mạch kép 220kV Thốt Nốt - Châu Đốc chiều dài khoảng 18 km, tiết diện không nhỏ hơn 800mm².

19.2.2. Đồng bộ NMNĐ Kiên Lương 3

- Đường dây mạch kép 500kV TTĐL Kiên Lương - Cù Chi chiều dài khoảng 270 km, dây phân pha không nhỏ hơn 6, tiết diện không nhỏ hơn 2000mm². Trong quá trình lập dự án đầu tư sẽ làm rõ sự cần thiết và qui mô của đường dây này trên cơ sở mức độ phát triển của phụ tải khu vực.

- Máy biến áp liên lạc 500/220kV – 450MVA (cân đối theo yêu cầu phụ tải khu vực)

20. Trung tâm điện lực Ô Môn:

20.1. Cấp điện áp đầu nối: 220kV và 500kV

Điều chỉnh cấp điện áp phát điện của các nhà máy điện Ô Môn qui định tại khoản 3 điều 1 Quyết định số 41/QĐ-BCN ngày 06 tháng 01 năm 2006 như sau:

- NMNĐ Ô Môn 1 (2*300MW): 220kV.

- NMNĐ Ô Môn 2 (3*250MW): 220kV

- NMNĐ Ô Môn 3 (3*250MW): 500 kV

- NMNĐ Ô Môn 4 (3*250MW): 500 kV

20.2. Các công trình đồng bộ:

Đường dây 220kV mạch kép Ô Môn-Thốt Nốt có chiều dài khoảng 25 km, phân pha 3 có tiết diện dây không nhỏ hơn 1000 mm² (đi chung cột đường dây 500kV Ô Môn-Thốt Nốt).

21. Đầu nối các thủy điện khu vực Tây Nguyên

- Đường dây mạch kép 220kV Đồng Nai 2-Đồng Nai 3, có chiều dài khoảng 20km, tiết diện ACSR 300mm².

- Mở rộng 02 ngăn lộ 220kV tại các Sân phân phối Đồng Nai 2&3

- Lắp đặt hệ thống tụ bù từ Pleiku về thành phố Hồ Chí Minh, trong đó ưu tiên xem xét đoạn Di Linh-Phú Lâm và Đắc Nông-Phú Lâm. Các thông số bù lắp tại các trạm tính toán phù hợp với nhu cầu truyền tải công suất trong các giai đoạn.

22. Các vấn đề khác:

22.1. Với việc tập trung nhiều nguồn điện lớn cùng phát công suất về khu vực thành phố Hồ Chí Minh và phụ cận làm cho dòng ngắn mạch tiếp tục dâng cao, yêu cầu khả năng tải các đường dây truyền tải và thiết bị trạm là rất lớn. Thông số kỹ thuật thiết bị các trạm 500kV có tập trung phụ tải lớn khu vực miền Nam gồm Ô Môn, Thốt Nốt, Mỹ Tho, Sông Mỹ, Vĩnh Tân, Đức Hòa, Mỹ Phước, Bình Dương 1, yêu cầu thiết bị nhất thứ có dòng điện định mức $I_{dm} \geq 4000A$, dòng cắt định mức $I_{cndm} \geq 63kA/3s$, các đường dây truyền tải cần được tăng tiết diện và phân pha để tăng cường khả năng truyền tải điện, giảm số lượng tuyến đường dây cầu. Để hạn chế dòng ngắn mạch tiếp tục dâng cao và đảm bảo hiệu quả chung của hệ thống điện, yêu cầu:

22.1.1 Đối với các Chủ đầu tư các TTĐL:

- Tính toán lắp đặt các kháng bù tại nhà máy để hạn chế khả năng tăng dòng ngắn mạch đối với hệ thống và thống nhất với Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia trước khi triển khai thực hiện.

- Điều chỉnh kịp thời các thông số kỹ thuật thiết bị, vật tư, cấu kiện để phù hợp với nội dung quyết định này.

22.1.2 Đối với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia:

- Điều chỉnh kịp thời các thông số kỹ thuật thiết bị, vật tư, cấu kiện đối với các dự án đang triển khai, có phương án kế hoạch điều chuyển dần thiết bị, cấu kiện tại các trạm nêu trên để phù hợp với nội dung quyết định này. Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc đề nghị báo cáo ngay để khắc phục.

- Thống nhất với các Chủ đầu tư nhà máy điện về phương án lắp đặt các kháng bù tại nhà máy để hạn chế khả năng tăng dòng ngắn mạch đối với hệ thống điện trong quá trình khai đầu tư xây dựng các nhà máy điện.

22.2. Các sân phân phối 500kV đều phải đặt đất dự phòng để Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia lắp đặt thiết bị bù cho đường dây và được làm rõ trong quá trình lập Dự án đầu tư. Căn cứ tình hình thực tế Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia triển khai lắp đặt thiết bị bù cho phù hợp với yêu cầu truyền tải điện của các đường dây.

22.3. Để phục vụ các nhà máy nhiệt điện phát điện trong giai đoạn 2013-2016, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia khẩn trương đầu tư các công trình lưới điện đồng bộ của TTĐL Hải Dương, Thái Bình, Vũng Áng, Quảng Trạch, Long Phú, Ô Môn, Vĩnh Tân, Duyên Hải.

22.4. Các công trình đồng bộ liên quan đến các nhà máy điện hạt nhân chỉ là dự kiến. Cấp điện áp và phương án đấu nối và các giải pháp nâng cao khả năng truyền tải của các đường dây sẽ nghiên cứu kỹ ở giai đoạn sau.

22.5. Các thông số tiết diện dây dẫn, số phân pha các đường dây nêu trong quyết định này yêu cầu các Chủ đầu tư cần tính toán, làm rõ thêm trong quá trình lập dự án đầu tư và triển khai dự án để phù hợp với tình hình phát triển phụ tải và tiến độ đưa các tổ máy vào vận hành, đấu nối với hệ thống điện Việt Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Đề nghị Ủy ban Nhân dân các tỉnh và thành phố bố trí, dành quỹ đất cho các công trình điện đồng bộ các TTĐL trong qui hoạch, chỉ đạo các Sở ngành của địa phương phối hợp với Chủ đầu tư trong công tác giải phóng mặt bằng.

2. Giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng công ty Truyền tải Điện Quốc gia đầu tư các công trình bên ngoài hàng rào nhà máy, bao gồm: các đường dây 500kV, 220kV đấu nối, đảm bảo tiến độ đưa vào vận hành của các TTĐL.

3. Giao các Chủ đầu tư các nhà máy điện đầu tư các công trình lưới điện trong các trung tâm điện lực gồm sân phân phối 500kV, 220kV và TBA 500/220kV tại khu vực nhà máy.

4. Các chủ đầu tư nhà máy điện, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng công ty Truyền tải Điện quốc gia cần phối hợp chặt chẽ trong quá trình đầu tư để điều chỉnh tiến độ đầu tư phù hợp giữa nguồn và lưới điện, nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư chung của hệ thống điện.

5. Giao Sở Công Thương các tỉnh và thành phố liên quan theo dõi, kiểm tra và báo cáo Bộ Công Thương về tình hình thực hiện qui hoạch.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

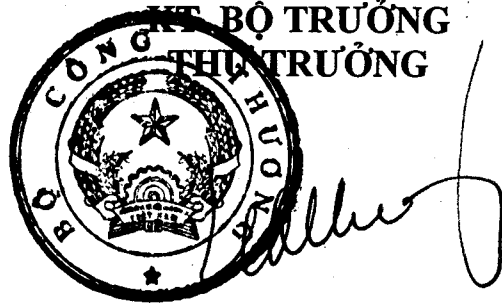
2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Năng lượng, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia, các Chủ đầu tư các NMNĐ trong các trung tâm điện lực, Sở Công Thương các tỉnh và thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- PTTg Hoàng Trung Hải (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Viện Năng lượng
- Lưu: VT, NL .

Nơi nhận:

- CT, các PCT;
- Sở KH-ĐT;
- CVP.TNA;
- PTH



Hoàng Quốc Vượng

PHỤ LỤC

(Kèm theo quyết định số: 6949 /QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2010)

STT	Nội dung	Điện áp	Số mạch, số máy	Quy cách	Số lượng + Chiều dài (km)	Năm vận hành đồng bộ			Ghi chú
						2010-2015	2016-2020	sau 2020	
I	Trung tâm nhiệt điện Nam Định 1 (2x600 MW)								
1	ĐZ 500kV mạch kép NĐ Nam Định 1 - Trạm cắt Thái Bình - Phố Nối	500kV	2	≥2400mm ²	135		2017		Phân pha 6 hoặc 8
									Đồng bộ NMNĐ Nam Định 2 được phê duyệt sau
II	Trung tâm điện lực Hải Phòng 3								
1	Đường dây 500kV mạch kép TTĐL Hải Phòng 3- trạm 500 Hải Phòng- Trạm cắt 500kV Thái Bình	500kV	2	≥1600mm ²	50		2018		
2	Trạm biến áp 500kV/220kV Hải Phòng	500kV	1	2x600MVA			2019		Trước mắt lắp 1 máy
3	Trạm cắt 500kV Thái Bình	500kV							Dự phòng đất lắp MBA
4	Đường dây 4 mạch 220kV TTĐL Hải Phòng 3 chuyển tiếp trên đường dây Tràng Bạch-Vật Cách	220kV	4	2x400mm ²	15			2021	
5	Đường dây 220kV mạch kép TTĐL Hải Phòng 3 - Đại Bản	220kV	3	≥1200mm ²	30			2021	
6	Trạm biến áp 220/110kV Đại Bản 2x250MVA	220kV	1	2x250MVA				2021	
III	Trung tâm nhiệt điện Thái Bình (2x300+2x600MW)								
1	ĐZ 220kV mạch kép NĐ Thái Bình - 220kV Thái Bình	220kV	2	3xAC 400	30	quí IV-2014			
2	ĐZ 220kV NĐ Thái Bình-Kim Động	220kV	2	2xAC400	20	quí IV-2014			
3	ĐZ 220 mạch kép NĐ Thái Bình - Tiên Hải - Trục Ninh	220kV	2	2xAC400	40	quí IV-2014			
4	ĐZ 220 mạch kép từ TBA Trục Ninh cắt đường dây Ninh Bình-Nam Định	220kV	2	2xAC 330	54	quí IV-2014			
5	ĐZ 220kV NĐ Thái Bình-Thái Thụy	220kV	2	2xAC330	20		X		
6	Trạm biến áp 220/110kV Tiên Hải	220kV		2x125MVA		máy 1-2015			
7	Trạm biến áp 220/110kV Trục Ninh	220kV		2x250MVA		máy 1-2015			
8	Trạm biến áp 220/110kV Thái Thụy	220/110kV		2x125MVA	1		X		
IV	Trung tâm nhiệt điện Hải Dương (2x600MW)								
1	ĐZ 220KV mạch kép TTĐL Hải Dương đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Phả Lại Đồng Hòa	220kV	2	AC400mm ²	1		2015		
2	ĐZ 220kV mạch kép phân pha TTĐL Hải Dương - Gia Lộc - Phố Nối	220kV	2	3xAC 400mm ²	52		2015		
	Trạm biến áp 220/110kV TTĐL Hải Dương	220/110kV	1	1x250MVA	1		2015		

V Trung tâm nhiệt điện Nghi Sơn (Nghi Sơn 1:2x300 MW; Nghi Sơn 2: 2x600MW)									
1	ĐZ 220KV mạch kép NĐ Nghi Sơn I-Nghi Sơn	220kV	2	2xAC500mm2	15	2013			
2	ĐZ 220KV mạch kép Nghi Sơn-Sầm Sơn	220kV	2	≥600mm2	53	2013			
3	ĐZ 220KV mạch kép Sầm Sơn-Thanh Hóa	220kV	2	≥600mm2	33	2013			
4	ĐZ 220KV mạch kép Nghi Sơn-Quỳnh Lưu	220kV	2	2xAC330mm2	24	2013			
5	ĐZ 220KV mạch kép Quỳnh Lưu-Vinh	220kV	2	2xAC330mm2	59	2013			
6	Trạm biến áp 500/220kV NĐ Nghi Sơn	500/220kV	1	2x450MVA	1		2016-2017		Làm rõ khi lập DADT NMNĐ Nghi Sơn 2
7	02 ĐZ 500kV mạch kép NĐ Nghi Sơn đầu chuyển tiếp trên ĐZ Hà Tĩnh-Nho Quan	500kV	4	4xAC330mm2	2x50		2016-2017		
VI Trung tâm nhiệt điện Quỳnh Lập 1 (2x600MW)									
1	ĐZ 500KV mạch kép NĐ Quỳnh Lập - Thanh Hóa-Nam Định	500kV	2	≥2400mm2	140		2017-2018		Phân pha 6 hoặc 8
2	Trạm biến áp 500/220kV Thanh Hóa	500/220kV	1	2x600MVA	1			sau 2020	
3	ĐZ 220KV mạch kép NĐ Quỳnh Lập 1 - Trạm 220kV Quỳnh Lưu	220kV	2	≥1000mm2	20		2017-2018		Phân pha 2 hoặc 3
VII Trung tâm nhiệt điện Vũng Áng 1+2 (4x600MW)									
1	ĐZ 220KV mạch kép NĐ Vũng Áng I-Hà Tĩnh	220kV	2	2xAC330mm2	63	Quý III-2012			
2	ĐZ 220kV mạch kép Vũng Áng - Ba Đồn	220kV	2	2xAC330mm2	57	Quý III-2012			
3	ĐZ 220kV mạch kép Ba Đồn-Đồng Hới	220kV	2	2xAC330mm2	40	Quý III-2012			
4	Trạm biến áp 500/220kV NĐ Vũng Áng I&II	500/220kV		2x450MVA	1	Quý I-2013			
5	02 ĐZ 500kV mạch kép Vũng Áng I&II đầu chuyển tiếp trên ĐZ Hà Tĩnh-Đà Nẵng mạch 1&2	500kV	4	4xAC330mm2	2x15	Quý I-2013			
VIII Trung tâm nhiệt điện Vũng Áng 3 (4x600MW)									
1	ĐZ 500kV mạch kép rẽ nhánh NĐ Vũng Áng 3 đầu chuyển tiếp trên ĐZ 500kV Quảng Trạch 1 - Vũng Áng 1&2(trường hợp NĐ Vũng Áng 3 vào sau NĐ Quảng Trạch)	500kV	2	≥2400mm2	5			sau 2020	Phân pha 6 hoặc 8.
1.a	ĐZ 500kV mạch kép NĐ Vũng Áng 3 - Vũng Áng 1&2(trường hợp NĐ Vũng Áng 3 vào trước NĐ Quảng Trạch)	500kV	2	≥2400mm2	10			sau 2020	Phân pha 6 hoặc 8.
2	ĐZ 500kV mạch kép Vũng Áng 3 - Quỳnh Lập	500kV	2	≥2400mm2	250			sau 2020	Phân pha 6 hoặc 8.
IX Trung tâm nhiệt điện Quảng Trạch 1 (2x600MW)									
1	ĐZ 500KV mạch kép NĐ Quảng Trạch 1 - SPP 500kV NĐ Vũng Áng 1&2(trường hợp NĐ Quảng Trạch 1 vào trước NĐ Vũng Áng 3)	500kV	2	≥2400mm2	35		2016		Phân pha 6 hoặc 8.

1.a	Z 500KV mạch kép NĐ Quảng Trạch 1 - đầu nối 2 mạch ĐZ 500kV mạch kép NĐ Vũng Áng 3 - SPP 500kV NĐ Vũng Áng 1&2(trường hợp NĐ Quảng Trạch 1 vào sau NĐ Vũng Áng 3)	500kV	2	≥2400mm ²	25		2016		Phân pha 6 hoặc 8.
X	Trung tâm nhiệt điện Vân Phong 1&2 (4x600MW)								
1	ĐZ 500KV mạch kép NĐ Vân Phong- Vĩnh Tân	500kV	2	4xAC400mm ²	195		2017		
2	Trạm biến áp 500kV NĐ Vân Phong	500/220kV		450MVA	1		2019		
3	ĐZ 220KV mạch kép NĐ Vân Phong - Ninh Hòa	220kV	2	≥990mm ²	25		2019		
4	Cải tạo nâng cấp ĐZ 220kV Ninh Hòa - Nha Trang thành ĐZ mạch kép phân pha	220kV	2	3xAC-400mm ²	28		2019		
5	Trạm cắt 220kV Ninh Hòa	220kV		250MVA	1		2019		
XI	Thủy điện tích năng miền Nam (1200MW)								
	Hai ĐZ 500KV mạch kép TĐ tích năng đầu chuyển tiếp trên ĐZ NĐ Vân Phong- Ninh Thuận 2	500kV	4	4xAC400mm ²	2x35		2019		Tiết điện, phân pha như ĐZ 500kV Vân Phong-Vĩnh Tân
XII	Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 (4000MW)								
1	ĐZ 500kV mạch kép NMDHN Ninh Thuận 1- Trạm 500kV Bình Dương 1	500kV	2	≥2400mm ²	280			sau 2020	Làm rõ sau và đồng bộ việc nghiên cứu giải pháp nâng cao khả năng tải các đường dây SCA
2	Nghiên cứu đặt trạm cắt 500kV giữa NMDHN Ninh Thuận 1- Trạm 500kV Bình Dương 1	500kV							
3	Hai ĐZ 500kV mạch kép NMD Hạt nhân 1 - đầu nối đường dây 500kV mạch kép Vân Phong - Vĩnh Tân	500kV	2	≥1600mm ²	64			sau 2020	Dây dẫn đồng bộ ĐZ Vân Phong-Vĩnh Tân
XIII	Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 2 (4000MW)								
1	Hai ĐZ 500kV mạch kép NMD Hạt nhân Ninh Thuận 2- Trạm 500kV Mỹ Phước	500kV	4	≥2400mm ²	300			2025	Làm rõ sau và đồng bộ việc nghiên cứu giải pháp nâng cao khả năng tải các đường dây SCA
2	Nghiên cứu đặt trạm cắt 500kV giữa NMDHN Ninh Thuận 2- Trạm 500kV Mỹ Phước								
3	Hai ĐZ 500kV mạch kép NMD Hạt nhân 2 - đầu nối đường dây 500kV mạch kép Vân Phong - Vĩnh Tân	500kV	2	≥1600mm ²	64			sau 2020	
XIV	Trung tâm nhiệt điện Vĩnh Tân (4x600+3x660 MW)								

1	ĐZ 500KV mạch kép ND Vĩnh Tân-Sông Mây	500kV	2	4xAC400mm2	240	2015			
2	ĐZ 500KV mạch kép ND Vĩnh Tân -Tân Định	500kV	2	≥2400mm2	260		2017		Phân pha 6 hoặc 8
3	Trạm cắt 500kV ở khoảng giữa đường dây 500kV ND Vĩnh Tân-Sông Mây	500kV	1				2017		
4	Trạm biến áp 500kV ND Vĩnh Tân	500/220kV		450MVA	1	2015			
5	Trạm biến áp 220kV Tháp Chàm	220/110kV	1	2x125MVA	1				
6	ĐZ 220KV mạch kép ND Vĩnh Tân-Tháp Chàm-Cam Ranh-Nha Trang	220kV	2	≥1000mm2	151	2014			Phân pha 2 hoặc 3
7	ĐZ 220KV mạch kép Vĩnh Tân-Phan Rí	220kV	2	3xAC-400mm2	50	2014			
8	ĐZ 220kV Phan Rí-Phan Thiết-Son Mỹ	220kV	2	2xAC-330mm2	223	2014			
9	ĐZ 220KV mạch kép Sơn Mỹ-Phú Mỹ			2xAC-400mm2					
XV	Trung tâm nhiệt điện Sơn Mỹ (4x750 MW)								
1	ĐZ 500KV mạch kép ND Sơn Mỹ - Đồng Nai	500kV	2	≥2000mm2	80		X		Phân pha 6
2	Trạm biến áp 500kV ND Sơn Mỹ	500/220kV		1x450MVA	1		X		
3	Trạm biến áp 500kV Đồng Nai	500/220kV	2	2x900MVA	1		máy 1	máy 2	
4	ĐZ 04 mạch TTĐL Sơn Mỹ đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Hàm Tân-Phú Mỹ	220kV	2		15				Dây dẫn đồng bộ ĐZ 220kV Hàm Tân-Phú Mỹ
5	Cải tạo nâng cấp ĐZ 220kV Đồng Nai - Long Thành	220kV	2	2xAC-330mm2	20		X		
XVI	Trung tâm nhiệt điện Duyên Hải (4x600+2x1000MW)								
1	ĐZ 500KV mạch kép TTĐL Duyên Hải -Mỹ Tho	500kV	2	≥2400mm2	115		2015		Phân pha 6 hoặc 8
2	ĐZ 500KV mạch kép Mỹ Tho-Đức Hòa	500kV	2	≥2400mm2	60			2016	Phân pha 8
3	Trạm biến áp 500kV Duyên Hải	500/220kV		1x450MVA			2015		
4	Trạm biến áp 500kV Đức Hòa	500/220kV		2x900MVA	2			2016	
5	ĐZ 220KV -04 mạch Duyên Hải-Trà Vinh	220kV	4	≥800mm2	40	2014			
6	ĐZ 220KV mạch kép Trà Vinh - Vĩnh Long	220kV	2	2xAC330mm2	60	2014			
7	ĐZ 220KV mạch kép Vĩnh Long-Cai Lậy	220kV	2	≥800mm2	60		X		
8	ĐZ 220KV mạch kép Trà Vinh - Mô Cày (đầu vào 2 mạch ĐZ Duyên Hải - Trà Vinh)	220kV	2	≥800mm2	25	2014			
9	ĐZ 220KV mạch kép Mô Cày-Bến Tre	220kV	2	2xAC330mm2	18	2014			
10	Cải tạo ĐZ 220KV Bến Tre-Mỹ Tho thành mạch kép	220kV	2	3xAC330mm2	16	2014			
XVII	Trung tâm nhiệt điện Long Phú (4x600+2x1000MW)								
1	ĐZ 500KV mạch kép ND Long Phú-Ô Môn	500kV	2	≥2400mm2	90	2015			
2	Trạm biến áp 500kV Long Phú	500/220kV		450MVA	1	X			
3	ĐZ 220KV mạch kép ND Long Phú-Sóc Trăng	220kV	2	2xAC330mm2	22	2014			
4	ĐZ 220KV mạch kép ND Long Phú-Cần Thơ	220kV	2	2xAC-330mm2	75	2014			
5	ĐZ 220KV mạch kép Sóc Trăng-Phụng Hiệp	220kV	2	ACSR-795	40	2014			
6	ĐZ 220KV mạch kép Phụng Hiệp-Ô Môn	220kV	2	ACSR-795	50	2014			

7	ĐZ 220KV mạch kép Sóc Trăng-Bạc Liêu	220kV	2	AC-400	55	2014			
XVII	Trung tâm nhiệt điện Sông Hậu (2x600 MW)								
1	ĐZ 220KV mạch kép NĐ than Sông Hậu 1 - Cần Thơ	220kV	2	3xAC400mm ²	18		2016		
2	Cải tạo đường dây 220kV Thốt Nốt-Cao Lãnh	220kV	2	≥3x400mm ²	35	2015			
3	Đường dây 500kV NMNĐ Sông Hậu -Mỹ Tho	500kV	2	≥2400mm ²	75			X	Phân pha 6 hoặc 8
4	Đường dây 220kV mạch kép NMNĐ Sông Hậu 1- đấu vào đường dây Cai Lậy-Cao Lãnh	220kV	1	≥400mm ²	40		2016		Chung cột với ĐZ 500kV Ô Môn -Thốt Nốt
5	Máy biến áp liên lạc 500/220kV-450MVA	500/220kV	1	450MVA					căn cứ nhu cầu điện khu vực để lắp đặt
6	ĐZ 500kV- mạch kép Mỹ Tho-Đức Hòa	500kV	2	≥2400mm ²	60			X	Trường hợp Sông Hậu 3 vào trước 2020
XIX	Trung tâm nhiệt điện Kiên Lương (4x600+2x1000MW)								
1	ĐZ 500KV mạch kép NĐ Kiên Lương - Thốt Nốt	500kV	2	≥2400mm ²	120			X	Phân pha 6 hoặc 8
2	Đường dây 500kV mạch kép Ô Môn-Thốt Nốt	500kV	2	≥2000mm ²	25	2015		X	
3	ĐZ 500KV mạch kép Thốt Nốt-Đức Hòa	500kV	2	≥2400mm ²	140				X Phân pha 8
4	Trạm biến áp 500kV Thốt Nốt	500/220kV	1	2x450MVA	1				2018
5	Trạm biến áp 500kV NĐ Kiên Lương	500/220kV	1	2x450MVA	1				sau 2020
6	ĐZ 220KV mạch kép Kiên Lương- Châu Đốc	220kV	2	≥800mm ²	100			X	Làm rõ trong DADT
7	Cải tạo đoạn từ Thốt Nốt đi Long Xuyên của đường dây mạch kép 220kV Thốt Nốt - Châu Đốc	220kV	2	≥800mm ²	18	2015			
8	Đường dây 220kV mạch kép NĐ Kiên Lương - Kiên Lương 2	220kV	2	≥400mm ²	10			X	
9	ĐZ 500KV mạch kép NĐ than Kiên Lương - Cù Chi	500kV	2	≥2000mm ²	270				sau 2020
10	ĐZ 220kV mạch kép Châu Đốc-Hồng Ngự-Cái Bè	220kV	2	≥800mm ²	125			x	
11	Trạm biến áp 500kV Cù Chi	500kV	1	2x900MVA	2				sau 2020
XX	Trung tâm điện lực Ô Môn (2850MW)								
2	Đường dây mạch kép 220kV Thốt Nốt-Ô Môn	220kV	2	P	25			X	
XXI	Đầu nối các thủy điện khu vực Tây Nguyên								
1	Đường dây mạch kép 220kV Đồng Nai 2-Đồng Nai 3	220kV	2	ACSR 330mm ²	20	2012			
2	Mở rộng 02 ngăn lộ tại các sân phân phối Đồng Nai 2 và 3	220	2		4	2012			
3	Lắp đặt hệ thống tụ bù từ Pleiku về thành phố Hồ Chí Minh, trong đó ưu tiên xem xét đoạn Di Linh-Phú Lâm và Đắc Nông-Phú Lâm					2011			